ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 952 /QĐ-UBND	*TP.Lào Cai, ngày 06 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Lào Cai năm học 2023-2024

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi và bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND;

Căn cứ Công văn số 1319/SGD&ĐT-KHTH ngày 09/8/2022 về việc thực hiện Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Công văn số 3877/UBND-VX ngày 22/8/2022 về tăng cường quản lý tài trợ và các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục; Công văn số 1548/SGD&ĐT-KHTH ngày 22/8/2023 của Sở GD&ĐT về việc thực hiện đảm bảo quy định về huy động kinh phí xã hội hoá giáo dục;

Xét đề nghị của Phòng GD&ĐT tại Tờ trình số 146/TTr-PGD&ĐT ngày 20/9/2023 và Biên bản của Tổ thẩm định các khoản thu hỗ trợ hoạt động giáo dục các trường mầm non, phổ thông công lập, năm học 2023-2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Lào Cai, năm học 2023-2024 với nội dung sau:

(Kèm theo Phụ lục chi tiết từng cơ sở giáo dục)

Điều 2. Hiệu trưởng các trường mầm non, phổ thông trên địa thành phố Lào Cai có trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng các khoản thu dịch vụ đảm bảo theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố; Trưởng phòng Tài Chính - Kế hoạch; Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng các trường trên địa bàn thành phố Lào Cai căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND TP;
- Phòng GD&ĐT TP (t/h)
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Vũ Quốc

Số: 952/QĐ-UBND
Thời gian ký: 06/10/2023 14:50:40 +07:00

PHÊ DUYỆT MỨC THU, KHOẢN THU DỊCH VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CÁC TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP, THÀNH PHỐ LÀO CAI NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân thành phố)

TT	Tên trường	Tiền ăn	Thuê người nấu ăn, phục vụ đối với học sinh ăn trưa tại trường	Mua sắm vật dụng đồ dùng cho HS đầu cấp	Vật dụng hàng năm cho HS bán trú	Nước uống	Nước sinh hoạt	Khen thưởng học sinh có thành tích	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Vật liệu tự làm đồ dùng, đồ chơi, trang trí nhóm lớp MN	Điện sử dụng điều hòa, quạt sưởi, bình nóng lạnh cho học sinh	Phát triển năng khiếu thể thao; phát triển năng khiếu nghệ thuật; Giáo dục Kỹ năng sống	Tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh	Dạy tiếng nước ngoài (tiếng Anh) của giáo viên người nước ngoài	Quản lý học sinh ngoài giờ chính khóa
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
	Định mức theo NQ 11 /HĐND ngày 15/7/2022 (nghìn đồng)	**25**	**90**	**200**	**50**	**5**	**5**	**30**	**5**	**50**	**10**	**20**	**20**	**30**	*4*
	Đơn vị tính	**HS/ngày**	**HS/tháng**	**HS/ năm**	**HS/ năm**	**HS/ tháng**	**HS/tháng**	**HS/ năm**	**HS/ tháng**	**HS/ năm**	**HS/ tháng**	**trẻ/HĐ**	**Tiết/ HS**	**Tiết/ HS**	**Giờ/HS**
	Thời gian bắt đầu triển khai thực hiện	**06/9/2023**	**06/9/2023**	**9/2023**	**9/2023**	**9/2023**	**9/2023**	**Trong năm học**	**9/2023**	**Trong năm học**	**9/2023**	**10/2023**	**10/2023**	**10/2023**	**10/2023**
1	Trường MN Hoa Mai	22	86	140			5	30			8	20	18	28	4
2	Trường MN Hoa Đào	20	85				5	30			10	20	18		
3	Trường MN Hoa Hồng	22	86	140	30		5	30	5		7	20	18		4
4	Trường MN Hoa Sen	22	85		30		3,5	30			5,5	20	18		
5	Trường MN Bắc Cường	22	86	130	30		5	30	5		10	20	18		
6	Trường MN Bắc Lệnh	20	86		30		5	27		50	7	20	18		
7	Trường MN Hoa Lan	20	86				5	30	5		10	20	18		
8	Trường MN Hoa Ban	20	83		30		5	30	5		10	20	18		
9	Trường MN Ánh Hồng	20	85			5	5	30			10	20	18		
10	Trường MN Nam Cường	22	86	140	30		5	30	5		10	20	18	28	
11	Trường MN Bình Minh	20	82	140			5	30	5	50	10	20	18		
12	Trường MN Vạn Hoà	20	90		30		5	30				20	18		
13	Trường MN Đồng Tuyển	18	85		30	5	5	27					18		

14	Trường MN Duyên Hải	18	86		30		4	27			8		18		
15	Trường MN Cam Đường	20	85	140			5	30	5	50	10		18		
16	Trường MN Tả Phời	15	58					30	5	40			13		
17	Trường MN Hợp Thành	14	62	50	30	5		30	5	50			5,7		
18	Trường MN Cốc San	20	70	70	30	5		30	5	45		20	18		
19	Trường MN Ban Mai	15	80	100	30		5	30				20	14		

Lưu ý: Khoản thu Tổ chức cho Học sinh đi trải nghiệm: Giao Trưởng Phòng GD&ĐT thành phố thẩm định, phê duyệt Kế hoạch, thời gian, địa điểm, kinh phí theo thực tế tại thời điểm đi trải nghiệm của từng cơ sở giáo dục đảm bảo không vượt quá mức thu theo quy định tại Nghị quyết 11/2022/HĐND ngày 15/7/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai.

Số: 952/QĐ-UBND
Thời gian ký: 06/10/2023 14:50:43 +07:00

PHÊ DUYỆT MỨC THU, KHOẢN THU DỊCH VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC CÔNG LẬP, THÀNH PHỐ LÀO CAI, NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân thành phố)

TT	Tên trường	Tiền ăn	Thuê người nấu ăn, phục vụ đối với HS ăn trưa tại trường	Quản lý HS ngoài giờ chính khoá		Mua sắm vật dụng đồ dùng cho HS đầu cấp	Vật dụng hàng năm cho HS bán trú	Nước uống	Nước SH	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Khen thưởng học sinh có thành tích	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Điện sử dụng điều hòa, quạt sưởi, bình nóng lạnh cho học sinh	Phát triển năng khiếu thể thao; phát triển năng khiếu nghệ thuật	Giáo dục KNS (GV trong trường dạy)	Giáo dục KNS (GV Trung tâm dạy)	Dạy tiếng Anh cho học sinh lớp 1,2	Dạy và học tiếng Anh thông qua các môn Khoa học áp dụng cho GV VN (lớp 3,4,5)	Dạy tiếng nước ngoài (tiếng Anh) của giáo viên người nước ngoài
				HD học sinh tự học	Trông trưa														
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
	Định mức theo NQ 11 /HĐND ngày 15/7/2022 (Nghìn đồng)	***25***	***90***	***4***	***4***	***200***	***50***	***5***	***5***	**40**	**40**	***5***	***10***	**20**	***20***	***20***	***20***	**30**	**30**
	Đơn vị tính	**HS/ngày**	**HS/tháng**	**HS/giờ**	**HS/giờ**	**HS/ năm**	**HS/ năm**	**HS/ tháng**	**HS/tháng**	**HS/ năm**	**HS/ năm**	**HS/ tháng**	**HS/ tháng**	**HĐ/HS**	**HĐ/HS**	**HĐ/HS**	**Tiết/ HS**	**Tiết/ HS**	**Tiết/ HS**
	Thời gian bắt đầu triển khai thực hiện	**11/9/2023**	**11/9/2023**	**9/2023**	**11/9/2023**	**9/2023**	**9/2023**	**9/2023**	**9/2023**	**Trong năm học**	**Trong năm học**	**9/2023**	**9/2023**	**10/2023**	**10/2023**	**10/2023**	**10/2023**	**10/2023**	**10/2023**
1	Trường TH Hoàng Văn Thụ	22	60	4	2,2	130	20	5	3	18	40	3	10	20			10	25	25
2	Trường TH Lê Văn Tám	22		4	2,2			5	1,5	18	40	3	10	20	10		10	25	25
3	Trường TH Bắc Cường	22	60	4	2	100	20	5	3	18	40	4	10	20	10		10	25	25
4	Trường TH Lê Ngọc Hân	22		4	2,1			5	1,2	18	40	2,6	10	20			10	25	25
5	Trường TH Nguyễn Du	22		4	2,2			5	4	18	40	3	10	20	10		10	25	25
6	Trường TH Bắc Lệnh	22		4	2			5		18	40	3	10	20	10		10	25	25
7	Trường TH Kim Đồng	22		4	2,2			5	2	18	40	3	10	20	10		10	25	25
8	Trường TH Pom Hán	22		4	1,7			4,7	2	18	36	4	5		10		10	25	25
9	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	22		4	2			5	1,5	18	40	3	6		10		10	25	25

10	Trường TH Chu Văn An	22		4	2			5	3	18	40	3	10	20		18	10	25	25
11	Trường TH Bình Minh	22		4	2			5		18	40	4	6,5	20	10		10	25	25
12	Trường TH Nam Cường	22		4	2		20	5	2,3	18	40	4	10	20	10		10	25	25
13	Trường TH Cam Đường	22		4	2	100		5	3	18	40	4			10		10		25
14	Trường TH Duyên Hải	22		4	2		20	5	5	18	40	4		20	10		10		25
15	Trường TH Vạn Hòa	22		4	2			5	5	18	40	4	8		10		10	25	25
16	Trường TH Hợp Thành			2						18	40				10		3,5		
17	Trường TH Cốc San	22		4	2			5		18	40	4		20	10		10		25
18	Trường TH&THCS Xuân Tăng	22		3,5	2		20	5	5	18	40	4	5		10		10	25	25
19	Trường TH&THCS Đồng Tuyể	22		4	2			5	5	18	40	4		20	10		3		
20	Trường TH Thống Nhất	14	50	3,5	2	130	20	5		18	40	4							
21	Trường TH Tả Phời			4	1,6			5		18	40	4							
	Lưu ý:																		
	- Khoản thu Tổ chức cho Học sinh đi trải nghiệm: Giao Trưởng Phòng GD&ĐT thành phố thẩm định, phê duyệt Kế hoạch, thời gian, địa điểm, kinh phí theo thực tế tại thời điểm đi trải nghiệm của từng cơ sở giáo dục đảm bảo không vượt quá mức thu theo quy định tại Nghị quyết 11/2022/HĐND ngày 15/7/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai. *- Không tổ chức các dịch vụ 5, 15, 16,17, 18, 19, 20 xen kẽ vào các giờ dạy chính khóa.*																	

Số: 952/QĐ-UBND
Thời gian ký: 06/10/2023 14:50:46 +07:00

PHÊ DUYỆT MỨC THU, KHOẢN THU DỊCH VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ, THÀNH PHỐ LÀO CAI, NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân thành phố Lào Cai)

TT	Tên trường	Số điểm trường	Tiền ăn	Trông trưa; quản lý HS ngoài giờ chính khoá	Nước uống	Nước SH	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Khen thưởng học sinh có thành tích	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Vật tư thực hành thí nghiệm, học nghề	Điện sử dụng điều hòa, quạt sưởi, bình nóng lạnh cho học sinh	Đưa đón HS	Dạy thêm các môn học trong chương trình giáo dục	Dạy Tin học	Phát triển năng khiếu thể thao; phát triển năng khiếu nghệ thuật; Giáo dục KNS	Dạy tiếng nước ngoài (tiếng Anh) của giáo viên người nước ngoài	Trông giữ xe
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
Định mức theo NQ 11 /HĐND ngày 15/7/2022 (Nghìn đồng)			***25***	***4***	***5***	***5***	**50**	**50**	***5***	***10***	***10***	***700***	***10***	***20***	**20**	**35**	***35***
Đơn vị tính			**HS/ngày**	**HS/giờ**	**HS/ tháng**	**HS/tháng**	**HS/ năm**	**HS/ năm**	**HS/ tháng**	**HS/tháng**	**HS/ tháng**	**HS/tháng**	**Tiết/ HS**	**Tiết/ HS**	**HS/HĐ**	**Tiết/ HS**	**Tháng/HS**
Thời gian bắt đầu triển khai thực hiện			**18/9/2023**	**18/9/2023**	**9/2023**	**9/2023**	**Trong năm học**	**Trong năm học**	**9/2023**	**9/2023**	**9/2023**	**9/2023**	**9/2023**	**9/2023**	**10/2023**	**10/2023**	**9/2023**
1	THCS Lê Quý Đôn		25	4	5	4	45	50	5		10		9	10	20	32	
2	THCS Lý Tự Trọng		25	4	5	4	45	50	4,5		6	700	9	10	18	32	
3	THCS Hoàng Hoa Thám				5		45	50	5		8		9	10	20	32	
4	THCS Lê Hồng Phong				5		45	45	5				9			32	
5	THCS Ngô Văn Sở			4	4		45	45	4	10	10		9	10		32	
6	THCS Bắc Cường				5		45	45	4,5		9		9		18	32	
7	THCS Kim Tân		25	4	5		45	50	4,5		10		9	10	20	32	35
8	THCS Nam Cường			4	5		45	50	5		10		9		15	32	
9	THCS Bình Minh				5	5	45	50	5				9	10		30	
10	THCS Bắc Lệnh				5		45	50	5				9			32	
11	THCS Pom Hán				5		45	50	5				9	10		30	
12	THCS Cam Đường				5		45	50	5	7			9			30	

13	THCS Cốc San			5		45	45	4,5				8				
14	THCS Thống Nhất			4		45	45	4				8,5				
15	THCS Vạn Hòa			5	5	45	45	5		10		8,5		20		
16	THCS Hợp Thành			5	3	45	45	5	10			8				
17	THCS Tả Phời			4		45	45	5	5							
18	THCS Đồng Tuyển			5	5	45	40	5				8,5		20		
19	TH&THCS Xuân Tăng			5	5	18	40	5				8,5				
	Lưu ý:															
	- Khoản thu Tổ chức cho Học sinh đi trải nghiệm: Giao Trưởng Phòng GD&ĐT thành phố thẩm định, phê duyệt Kế hoạch, thời gian, địa điểm, kinh phí theo thực tế tại thời điểm đi trải nghiệm của từng cơ sở giáo dục đảm bảo không vượt quá mức thu theo quy định tại Nghị quyết 11/2022/HĐND ngày 15/7/2023 của HĐND tỉnh Lào Cai. *- Không tổ chức các dịch vụ 4, 13, 14,15, 16 xen kẽ vào các giờ dạy chính khóa.*															